

## **Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung   | 1            |
| Báo cáo của Ban Giám đốc                                | 2            |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ                 | 3            |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 4            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ           | 5            |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ        | 6 - 13       |

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 5, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài       | Chủ tịch   |
| Ông Trần Lê Quân         | Thành viên |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Thành viên |
| Ông Chris Freund         | Thành viên |
| Ông Thomas Lanyi         | Thành viên |
| Ông Trần Kinh Doanh      | Thành viên |
| Ông Robert Willet        | Thành viên |
| Ông Đặng Minh Lượm       | Thành viên |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Trưởng ban |
| Ông Hoàng Xuân Thắng    | Thành viên |
| Bà Nguyễn Khánh Vân     | Thành viên |

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                          |                    |
|--------------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài       | Tổng Giám đốc      |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Giám đốc Kỹ thuật  |
| Ông Vũ Đăng Linh         | Giám đốc Tài chính |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Chap Phan Ban Giám Đốc:

Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

| Mã số      | TÀI SẢN  | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 9 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                       |             | <b>322.231.327.848</b>   | <b>253.431.102.062</b>    |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền</b>                                   | <b>4</b>    | <b>65.038.871</b>        | <b>84.295.376</b>         |
| 111        | 1. Tiền  |             | 65.038.871               | 84.295.376                |
| <b>130</b> | <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           |             | <b>322.166.288.977</b>   | <b>253.088.302.545</b>    |
| 132        | 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn              |             | -                        | 71.850.000                |
| 135        | 2. Phải thu về cho vay ngắn hạn                  | 5           | 319.637.499.355          | 247.012.499.355           |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                        | 6           | 2.528.789.622            | 6.003.953.190             |
| <b>150</b> | <b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>-</b>                 | <b>258.504.141</b>        |
| 152        | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ           |             | -                        | 258.504.141               |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                        |             | <b>1.157.304.771.000</b> | <b>1.157.304.771.000</b>  |
| <b>250</b> | <b>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>     |             | <b>1.157.304.771.000</b> | <b>1.157.304.771.000</b>  |
| 251        | 1. Đầu tư vào các công ty con                    | 7           | 1.157.304.771.000        | 1.157.304.771.000         |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                         |             | <b>1.479.536.098.848</b> | <b>1.410.735.873.062</b>  |
| Mã số      | NGUỒN VỐN  | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 9 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                            |             | <b>5.980.178.226</b>     | <b>5.602.045.504</b>      |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                            |             | <b>5.980.178.226</b>     | <b>5.602.045.504</b>      |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                   |             | 44.100.000               | -                         |
| 313        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước           |             | 554.492.156              | 535.445.504               |
| 315        | 3. Chi phí phải trả ngắn hạn                     |             | 431.586.070              | 116.600.000               |
| 322        | 4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                     |             | 4.950.000.000            | 4.950.000.000             |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                         |             | <b>1.473.555.920.622</b> | <b>1.405.133.827.558</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                         | <b>8.1</b>  | <b>1.473.555.920.622</b> | <b>1.405.133.827.558</b>  |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                                   |             | 1.468.889.740.000        | 1.468.889.740.000         |
| 411a       | - Cổ phiếu có đồng có quyền biểu quyết           |             | 1.468.889.740.000        | 1.468.889.740.000         |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                          |             | 628.592.500              | 628.592.500               |
| 415        | 3. Cổ phiếu quỹ                                  |             | (2.714.044.500)          | (2.454.294.500)           |
| 421        | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) |             | 6.751.632.622            | (61.930.210.442)          |
| 421a       | - Lũ lũy kế kỳ trước                             |             | -                        | (346.508.960.372)         |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này       |             | 6.751.632.622            | 284.578.749.930           |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                       |             | <b>1.479.536.098.848</b> | <b>1.410.735.873.062</b>  |

Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                   | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 | Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 | Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 | Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
|-------|--|-------------|---|---|---|---|
| 21    | 1. Doanh thu hoạt động tài chính           | 9           | 3.635.368.060   | 3.121.401.030   | 292.239.802.953   | 285.006.256.872   |
| 26    | 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp            |             | (862.907.281)   | (464.744.366)   | (1.940.946.123)   | (1.395.100.629)   |
| 30    | 3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh |             | 2.772.460.779   | 2.656.656.664   | 290.298.856.830   | 283.611.156.243   |
| 50    | 4. Lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 2.772.460.779   | 2.656.656.664   | 290.298.856.830   | 283.611.156.243   |
| 51    | 5. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 10          | (554.492.156)   | (584.464.466)   | (1.687.749.966)   | (909.124.012)   |
| 60    | 6. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 |             | 2.217.968.623   | 2.072.192.198   | 288.611.106.864   | 282.702.032.231   |



Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 | Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
|-------|--|-------------|---|---|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>      |             |   |   |
| 01    | Lợi nhuận kế toán trước thuế                           |             | 290.298.856.830   | 283.611.156.243   |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                       |             |   |   |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                | 9           | (292.239.802.953)   | (285.006.256.872)   |
| 08    | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động |             | (1.940.946.123)   | (1.395.100.629)   |
| 09    | Giảm (tăng) các khoản phải thu                         |             | 337.659.839   | (94.842.696)  |
| 11    | Tăng (giảm) các khoản phải trả                         |             | 359.086.070   | (231.350.134)   |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                      | 10          | (1.668.703.314)   | (1.841.073.257)   |
| 20    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh |             | (2.912.903.528)   | (3.562.366.716)   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>         |             |   |   |
| 23    | Tiền chi cho vay                                       |             | (294.650.000.000)   | (287.090.000.000)   |
| 24    | Tiền thu hồi cho vay                                   |             | 222.025.000.000   | 75.320.370.645  |
| 25    | Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con                |             | -   | (72.239.580.000)  |
| 27    | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia    |             | 295.707.660.823   | 289.481.487.987   |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư              |             | 223.082.660.823   | 5.472.278.632   |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>     |             |   |   |
| 32    | Mua lại cổ phiếu                                       |             | (259.750.000)   | (2.007.300.000)   |
| 36    | Chi trả cổ tức   |             | (219.929.263.800)   | -   |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính  |             | (220.189.013.800)   | (2.007.300.000)   |
| 50    | Giảm tiền thuần trong kỳ                               |             | (19.256.505)  | (97.388.084)  |
| 60    | Tiền đầu kỳ  |             | 84.295.376  | 166.006.122   |
| 70    | Tiền cuối kỳ   | 4           | 65.038.871  | 68.618.038  |

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 5, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc .

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.5 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.6 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.8 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**4. TIỀN**

|                    | VND                         |                              |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                    | Ngày 30 tháng 9<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Tiền mặt           | 432.000                     | 432.000                      |
| Tiền gửi ngân hàng | 64.606.871                  | 83.863.376                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>65.038.871</b>           | <b>84.295.376</b>            |

**5. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động - công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất 4,5%/năm (*Thuyết minh số 11*).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|   | VND                         |                              |
|---|-----------------------------|------------------------------|
|   | Ngày 30 tháng 9<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Phải thu lãi cho vay từ bên liên quan<br>( <i>Thuyết minh số 11</i> ) | 2.416.592.183               | 5.918.705.751                |
| Các khoản khác  | 112.197.439                 | 85.247.439                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>2.528.789.622</b>        | <b>6.003.953.190</b>         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON**

| Tên công ty                      | Ngày 30 tháng 9 năm 2016 |                          | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |                          | Địa điểm          | Ngành nghề kinh doanh       |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------------|
|                                  | Tỷ lệ sở hữu             | Số tiền                  | Tỷ lệ sở hữu              | Số tiền                  |                   |                             |
|                                  | (%)                      | (VND)                    | (%)                       | (VND)                    |                   |                             |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | 99,95                    | 1.027.352.771.000        | 99,95                     | 1.027.352.771.000        | TP HCM - Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Điện Tử | 99,95                    | 129.952.000.000          | 99,95                     | 129.952.000.000          | TP HCM - Việt Nam | Thương mại thực phẩm        |
|                                  |                          | <b>1.157.304.771.000</b> |                           | <b>1.157.304.771.000</b> |                   |                             |

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**8.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

|  | VND                      |                      |                        |                                   |                          |
|--|--------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|  | Vốn cổ phần              | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ           | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
| <b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</b> |                          |                      |                        |                                   |                          |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014                                      | 1.119.567.790.000        | 628.592.500          | (300.394.500)          | 2.812.989.628                     | 1.122.708.977.628        |
| Phát hành cổ phiếu thường  | 279.471.970.000          | -                    | -                      | (279.471.970.000)                 | -                        |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ   | -                        | -                    | -                      | 282.702.032.231                   | 282.702.032.231          |
| Mua lại cổ phiếu   | -                        | -                    | (2.007.300.000)        | -                                 | (2.007.300.000)          |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015                                       | <u>1.399.039.760.000</u> | <u>628.592.500</u>   | <u>(2.307.694.500)</u> | <u>6.043.051.859</u>              | <u>1.403.403.709.859</u> |
| <b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</b> |                          |                      |                        |                                   |                          |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015                                      | 1.468.889.740.000        | 628.592.500          | (2.454.294.500)        | (61.930.210.442)                  | 1.405.133.827.558        |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ   | -                        | -                    | -                      | 288.611.106.864                   | 288.611.106.864          |
| Cổ tức công bố (*)   | -                        | -                    | -                      | (219.929.263.800)                 | (219.929.263.800)        |
| Mua lại cổ phiếu   | -                        | -                    | (259.750.000)          | -                                 | (259.750.000)            |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016                                       | <u>1.468.889.740.000</u> | <u>628.592.500</u>   | <u>(2.714.044.500)</u> | <u>6.751.632.622</u>              | <u>1.473.555.920.622</u> |

(\*) Trong kỳ, Công ty đã trả cổ tức với giá trị là VND 219.929.263.800 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01\_2016/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**8.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|   | <i>Số cổ phiếu</i> |
|---|--------------------|
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 9 năm 2016 | 146.888.974        |

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**8.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

|   | <i>Ngày 30 tháng 9<br/>năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12<br/>năm 2015</i> |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
|   | <i>Số cổ phiếu</i>                  | <i>Số cổ phiếu</i>                   |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành                 | 146.888.974                         | 146.888.974                          |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ |                                     |                                      |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | 146.888.974                         | 146.888.974                          |
| Số lượng cổ phiếu quỹ                                 |                                     |                                      |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | (291.118)                           | (218.673)                            |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                       |                                     |                                      |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                             | 146.597.856                         | 146.670.301                          |

**9. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                    | <i>VND</i>   |  |  |  |
|--------------------|--|--|--|--|
|                    | <i>Cho kỳ kế toán<br/>ba tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>ba tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2015</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>chín tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>chín tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2015</i> |
| Thu nhập từ cổ tức | -  | -  | 281.860.107.000  | 279.478.774.372  |
| Lãi tiền gửi       | 3.635.368.060  | 3.121.401.030  | 10.379.695.953   | 5.527.482.500  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>3.635.368.060</b>   | <b>3.121.401.030</b>   | <b>292.239.802.953</b>   | <b>285.006.256.872</b>   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

|  | <i>Cho kỳ kế toán<br/>ba tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>ba tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2015</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>chín tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>chín tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 9<br/>năm 2015</i> |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <i>VND</i>   |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>          | <b>2.772.460.779</b>   | <b>2.656.656.664</b>   | <b>290.298.856.830</b>   | <b>283.611.156.243</b>   |
| <b>Các khoản điều chỉnh</b>                  |  |  |  |  |
| Thu nhập từ cổ tức                           | -  | -  | (281.860.107.000)  | (279.478.774.372)  |
| <b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ</b> | <b>2.772.460.779</b>   | <b>2.656.656.664</b>   | <b>8.438.749.830</b>   | <b>4.132.381.871</b>   |
| <b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>           | <b>554.492.156</b>   | <b>584.464.466</b>   | <b>1.687.749.966</b>   | <b>909.124.012</b>   |
| Thuế TNDN phải trả đầu kỳ                    | 681.767.875  | 324.659.546  | 535.445.504  | 1.516.413.711  |
| Thuế TNDN đã trả trong kỳ                    | (681.767.875)  | (324.659.546)  | (1.668.703.314)  | (1.841.073.257)  |
| <b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>            | <b>554.492.156</b>   | <b>584.464.466</b>   | <b>554.492.156</b>   | <b>584.464.466</b>   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**11. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Bên liên quan                       | Mối quan hệ                     | Giao dịch            | VND  |  |
|-------------------------------------|---------------------------------|----------------------|--|--|
|                                     |                                 |                      | Cho kỳ kế toán<br>chín tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 9<br>năm 2016 | Cho kỳ kế toán<br>chín tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 9<br>năm 2015 |
| Công ty Cổ phần<br>Thế Giới Di Động | Công ty con                     | Cổ tức               | 281.860.107.000  | 279.478.774.372  |
|                                     |                                 | Cho vay              | 294.650.000.000  | 287.090.000.000  |
|                                     |                                 | Thu hồi vay          | 222.025.000.000  | 75.320.370.645   |
|                                     |                                 | Thu nhập<br>lãi vay  | 10.362.568.104   | 5.526.122.613  |
|                                     |                                 | Lãi vay nhận<br>được | 13.864.681.672   | 10.001.353.728   |
| Ông Robert<br>Willet                | Thành viên Hội<br>đồng Quản trị | Chi phí<br>tư vấn    | 1.600.416.805  | 1.949.419.338  |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                       | Mối quan hệ | Giao dịch | VND                         |                              |
|-------------------------------------|-------------|-----------|-----------------------------|------------------------------|
|                                     |             |           | Ngày 30 tháng 9<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| <b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>    |             |           |                             |                              |
| Công ty Cổ phần<br>Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay   | <u>319.637.499.355</u>      | <u>247.012.499.355</u>       |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>       |             |           |                             |                              |
| Công ty Cổ phần<br>Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi vay   | <u>2.416.592.183</u>        | <u>5.918.705.751</u>         |

**12. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01\_2016/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 26 tháng 2 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0210/NQ/HĐQT-2016 ngày 24 tháng 10 năm 2016, Công ty sẽ phát hành 7.330.996 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 73.309.960.000 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2016